

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2022/DS-ST

Ngày: 22/8/2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Diệu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê
2. Bà Trịnh Thị Phương Châm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 17/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3562/2022/QĐXXST-DS, ngày 01/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4739/2022/QĐST-DS ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 2xx đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 11/5/15 KP2A, phường Đ, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền số: 751/2020/UQ-TTT, ngày 09/6/2020.

**2. Bị đơn:** Ông Trần Văn M; sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 212B/C8A đường N, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 27/07/2011, ông Trần Văn M (Sau đây gọi tắt là ông M) có ký với Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/7/2011 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa OS Member 462881- 4627 với hạn mức sử dụng là: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, thẻ tín dụng 462881- 4627 này không nợ.

Đến ngày 29/01/2013, ông M có đăng kí thêm thẻ JCB JS CR Gold 3564XX-8102 với mục đích tiêu dùng cá nhân với hạn mức sử dụng là: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng JCB JS CR Gold 3564XX-8102, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 265.120.500 (Hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ 3564XX-8102, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 266.331.785 (Hai trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán ( Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/08/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ 3564XX-8102 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 22/8/2022, ông M còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 43.590.452 (Bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng
- Lãi quá hạn : 60.432.704 (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng
- Tổng cộng : 104.023.156 (Một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu) đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông M, yêu cầu ông M có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông M trả nợ, tuy nhiên Ông M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn M:

- Thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2022 là 104.023.156 (Một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu) đồng, gồm:

Nợ gốc: 43.590.452 (Bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng.

Lãi quá hạn : 60.432.704 (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng.

- Tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

*Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn M trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đây là vụ án dân sự do tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Bị đơn - ông Trần Văn M

có hộ khẩu thường trú tại Quận 1 nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## [2] Về pháp luật nội dung:

### 2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Ông Trần Văn M có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S để đăng kí thẻ JCB JS CR Gold 3564XX-8102 với mục đích tiêu dùng cá nhân với hạn mức sử dụng là: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Căn cứ vào Điều 407, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đây là loại hợp đồng theo mẫu được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng JCB JS CR Gold 3564XX-8102, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 265.120.500 (Hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ 3564XX-8102, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 266.331.785 (Hai trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/8/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Xét việc ông Trần Văn M ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là hoàn toàn tự nguyện, ông M là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và ông M đã sử dụng dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là: 265.120.500 (Hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán lại số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 được sửa đổi, bổ sung năm 2004, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nợ gốc bao gồm các giao dịch mua hàng, rút tiền mặt, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên có cơ sở để được chấp nhận.

## 2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:

Xét thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cung cấp dịch vụ cho ông Trần Văn M theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng JCB JS CR Gold 3564XX-8102, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 265.120.500 (Hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm) đồng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số dư nợ nêu trên là nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Hợp đồng đã ký và điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn lãi quá hạn tạm tính đến ngày 22/8/2022 là: 60.432.704 (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng.

Bị đơn tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

### [3] Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù bị đơn ông Trần Văn M đã sử dụng dịch vụ và nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 11/08/2019 đến nay và đối chiếu quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn M phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền ông Trần Văn M còn thiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tạm tính đến ngày 22/8/2022 là: 104.023.156 (Một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu) đồng, gồm:

Nợ gốc: 43.590.452 (Bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng.

Lãi quá hạn : 60.432.704 (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng.

Tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Trần Văn M phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) tạm tính đến ngày 22/8/2022 là: 104.023.156 (Một trăm lẻ bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi sáu) đồng, gồm:

Nợ gốc: 43.590.452 (Bốn mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng.

Lãi quá hạn : 60.432.704 (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm lẻ bốn) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lãi phát sinh tiếp tục được tính từ ngày 23/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 29/01/2013 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

### 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn M phải chịu án phí là: 5.201.158 (Năm triệu hai trăm lẻ một nghìn một trăm năm mươi tám) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.401.843 (Một triệu bốn trăm lẻ một nghìn tám trăm bốn mươi ba) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0029396, ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Diệu Linh**